

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường

2. Ông Vũ Văn Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1986

Địa chỉ: P Chung cư G - A H, phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ *Bị đơn:* Bà Võ Thị Mỹ T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số A C6 L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Địa chỉ liên lạc: Số F B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Duy H trình bày:

Ông Nguyễn Duy H và bà Võ Thị Mỹ T tự nguyện chung sống vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố

V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2013 ngày 08/08/2013.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, không còn sự tôn trọng yêu thương lẫn nhau dẫn đến tự sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, không thể duy trì cuộc sống chung nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ T.

Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Hà C, sinh ngày 23/8/2016 và Nguyễn Duy H1, sinh ngày 31/03/2014. Theo nguyện vọng của con và theo thỏa thuận giữa ông H, bà T thống nhất giao hai con cho bà T nuôi, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng), mỗi cháu 1 tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Duy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Mỹ T trình bày:

Bà Võ Thị Mỹ T và ông Nguyễn Duy H tự nguyện chung sống vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2013 ngày 08/08/2013.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc vui vẻ bình thường không có mâu thuẫn, từ năm 2022 bà T phát hiện ông H có ngoại tình với cô Bùi Thị Hồng H2, địa chỉ số D B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện là Giáo viên Chủ nhóm Lớp Ươm C, B, phường A, thành phố V. Khi biết ông H ngoại tình bà T và gia đình bố mẹ có khuyên ông H quay về để hàn gắn gia đình.

Trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông H, bà T không đồng ý ly hôn vì tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì tương lai của các con.

Đặt trường hợp Tòa cho ly hôn về con chung có 2 con chung tên Nguyễn Hà C, sinh ngày 23/8/2016 và Nguyễn Duy H1, sinh ngày 31/03/2014. Tại phiên hòa giải của Tòa án ngày 12/04/2024, ông H và bà T thống nhất giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà C đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy H1 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà T đồng ý việc ông H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Duy H1 mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Duy H1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không chấp hành pháp luật đã vắng mặt phiên hòa giải ngày 07/05/2024 và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đang cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử lần hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy H và bà Võ Thị Mỹ T tự nguyện chung sống vào năm 2013 được UBND phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số 01/2013 ngày 08/08/2013.

Qua thời gian chung sống giữa hai ông bà phát sinh mâu thuẫn, ông H xác định do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm chia sẻ buồn vui trong cuộc sống nên dẫn đến ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Về phía bà T cho rằng vợ chồng chung sống hạnh phúc vui vẻ bình thường không có mâu thuẫn, từ năm 2022 bà T phát hiện ông H ngoại tình với cô Bùi Thị Hồng H2, địa chỉ số D B, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện là Giáo viên Chủ nhóm Lớp Ươm C, B, phường A, thành phố V, gia đình đã động viên ông H quay về để đoàn tụ. Vì tình cảm vợ chồng vẫn còn vì tương lai của các con nên bà T không đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương xác định vợ chồng ông H, bà T có 1 lần to tiếng với nhau nhưng không yêu cầu tổ dân phố hòa giải, tuy nhiên từ khoảng cuối năm 2023 đầu năm 2024 thì ông H không còn sinh sống tại địa chỉ số A C6 L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ còn bà T và hai con chung sống tại địa chỉ trên. Tại phiên hòa giải ngày 12/04/2024 sau khi nghe bà T trình bày Tòa án đã hòa giải động viên ông H trở về đoàn tụ nhưng ông H cương quyết ly hôn và khẳng định vợ chồng không còn hòa hợp không phải do ông H ngoại tình với bà Bùi Thị Hồng H2 nên tìm cách yêu cầu xin ly hôn với bà T là hoàn toàn không có cơ sở. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông H, bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng tiến bộ. Vì vậy yêu cầu của ông H xin ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có 2 con chung tên Nguyễn Hà C, sinh ngày 23/8/2016 và Nguyễn Duy H1, sinh ngày 31/03/2014. Theo thỏa thuận giữa ông H, bà T thống nhất giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà C đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Duy H1 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Duy H1 mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Duy H1 đủ 18 tuổi. Tuy nhiên sau khi Tòa án gặp gỡ và làm việc với hai cháu Nguyễn Hà C và cháu Nguyễn Duy H1 thì nguyện vọng của hai cháu đều yêu cầu được sống với mẹ nên ông H đề nghị Tòa án ghi nhận ý kiến như ban đầu của ông H là giao 2 con cho bà T nuôi. Để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu nên cần giao hai con cho bà T nuôi là phù hợp, ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng), mỗi cháu 1 tháng là 5.000.000đ (năm triệu đồng) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Xét việc ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng), mỗi cháu 5.000.000đ/tháng là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí : Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Tổng cộng số tiền án phí ông H phải nộp là 600.000 đồng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông H đã nộp, như vậy ông H còn phải nộp 300.000 đồng án phí. Bà T không phải chịu án phí.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy H với bà Võ Thị Mỹ T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy H được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ T.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hà C, sinh ngày 23/8/2016 và Nguyễn Duy H1, sinh ngày 31/03/2014, bà Võ Thị Mỹ T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Duy H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 10.000.000đ (bằng chữ: Mười triệu đồng), mỗi cháu một tháng là 5.000.000đ (bằng chữ: Năm triệu đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 06/2024 cho đến khi cháu Nguyễn Hà C và cháu Nguyễn Duy H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu bên có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng phải trả thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Duy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Duy H và bà Võ Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Ông Nguyễn Duy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Tổng cộng số tiền án phí ông Nguyễn Duy H phải nộp là 600.000đ (sáu trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002454 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, ông Nguyễn Duy H còn phải nộp thêm số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí. Bà Võ Thị Mỹ T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán - C Phiên Tòa

Hà Văn T1 – Vũ Văn Chương Phan Thị Yến O

